

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tài chính quốc tế		
Mã học phần:	231_DFB0050	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_DFB0050_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Trình bày một cách rõ ràng và đầy đủ những kiến thức cơ bản về chính sách liên quan đến tỷ giá hối đoái và các công cụ điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Vận dụng các lý thuyết hiện đại về tỷ giá để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá.	Tự luận	40%	2	4/10	ELO 3 ELO 4
CLO2	Vận dụng những kiến thức về các yếu tố tác động đến nền kinh tế như tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế để giải quyết các tình huống thực tế.	Tự luận	20%	1	2/10	ELO 3 ELO 4
CLO3	Phân tích và đánh giá hiệu quả những chiến lược về hệ thống tiền tệ Nhà Nước đưa ra trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.	Tự luận	20%	3	2/10	ELO 3
CLO4	Vận dụng kỹ năng phân tích và giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Phân tích và đánh giá tác động của các loại hình tín dụng quốc tế và chu chuyển vốn quốc tế. Phân tích có phê phán các hoạt động kinh doanh, đầu tư của các nhà đầu tư trên thị trường tài chính và tác động của chúng.	Tự luận	20%	2	2/10	ELO 5 ELO 6
Tổng			100%		10	

III. Nội dung câu hỏi thi

Mã đề: 010**CÂU 1. (2 Điểm)**

- a. Giả sử tỷ giá GBP/USD = 1,2308 – 1,2317. Bạn sẽ nhận được bao nhiêu GBP nếu bán đi 100.000 USD?
- b. Một ngân hàng niêm yết tỷ giá hối đoái như sau:

USD/CHF = 0,89 – 0,91

USD/AUD = 1,47 – 1,50

Hãy tính tỷ giá “chào bán” (ask exchange rate) của cặp tỷ giá AUD/CHF.

CÂU 2. (6 Điểm)

Thông tin lãi suất bên dưới được tính theo năm như sau:

	NEW ZEALAND DOLLAR	SWISS FRANC
Lãi suất huy động (Deposit rate)	7,3%	3,7%
Lãi suất cho vay (Borrowing rate)	9,1%	5,9%

Giả sử công ty Delta kỳ vọng nhận Fr12.000 trong vòng 1 năm tới. Tỷ giá giao ngay hiện tại của Swiss Franc là NZ\$1,55.

Công ty Delta xác định xác suất tỷ giá giao ngay sau 1 năm như sau:

TỶ GIÁ GIAO NGAY SAU 1 NĂM	XÁC SUẤT
NZ\$1,55	17%
NZ\$1,58	51%
NZ\$1,62	32%

Giả sử quyền chọn bán (one-year put options) 1 năm đối với Swiss Franc có giá thực hiện (exercise price) là NZ\$1,58 và phí cho mỗi quyền chọn là NZ\$0,043. Quyền chọn mua 1 năm (One-year call options) đối với Swiss Franc có giá thực hiện là NZ\$1,55 và phí quyền chọn cho mỗi đơn vị tiền tệ là NZ\$0,015.

- a. Dựa vào thông tin bên trên, hãy xác định tỷ giá kỳ hạn mua và bán (bid – ask) 1 năm.
- b. Phòng ngừa bằng kỳ hạn (forward) hay phòng ngừa bằng quyền chọn (options) sẽ tốt hơn đối với công ty Delta? Giải thích chi tiết.
- c. Công ty Delta nên hay không nên thực thi chiến lược phòng ngừa tỷ giá hối đoái? Giải thích chi tiết.

CÂU 3. (2 ĐIỂM)

Thời điểm bàn giao hợp đồng	28/12/2023	
Tỷ giá hối đoái	9,3	CNY/RUB
Quy mô hợp đồng	10.000	CNY
Ký quỹ ban đầu (Initial margin)	5,4%	Giá trị hợp đồng

Thời điểm bàn giao hợp đồng	28/12/2023	
Ký quỹ duy trì (Maintenance margin)	4.000	RUB

Điền các giá trị còn thiếu trong bảng sau:

Ngày	Tỷ giá	Giá trị hợp đồng	Lãi/Lỗ	Số dư cuối ngày	Ký quỹ duy trì	Gửi vào/Rút ra
Ký hợp đồng	9,27					
07/12/2023	8,87					
09/12/2023	9,15					
11/12/2023	8,99					
13/12/2023	8,67					
15/12/2023	9,05					
18/12/2023	9,10					
22/12/2023	8,68					

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																								
I. Tự luận																											
Câu 1		2.0																									
Nội dung a.	1 GBP = 1,2308 – 1,2317 USD Bạn sẽ bán USD để mua GBP. Vì vậy, bạn sẽ phải chịu tỷ giá “chào bán” (ask rate). Ask rate: 1 GBP = 1,2317 USD	0.5																									
	Lượng GBP bạn có được khi bán 100.000 USD là $100.000/1,2317 = 81.188,6$	0.5																									
Nội dung b.	Đầu tiên, xác định tỷ giá AUD/USD dựa trên USD/AUD $AUD/USD = 1/1,5 - 1/1,47$	0.5																									
	Tiếp theo, tính tỷ giá “chào bán” (ask rate) của AUD/CHF $AUD/CHF = AUD/USD \times USD/CHF = 1/1,47 \times 0,91 = 0,6190$	0.5																									
Câu 2		6.0																									
Nội dung a.	Tỷ giá bid kỳ hạn 1 năm: 1Fr = NZ\$1,57 (Bid)	0.5																									
	Tỷ giá ask kỳ hạn 1 năm: 1Fr = NZ\$1,63 (Ask)	0.5																									
Nội dung b.	Phòng ngừa bằng kỳ hạn Bán Fr112.000 x NZ\$1,57 = NZ\$175.840	1.0																									
	<i>Phòng ngừa bằng quyền chọn bán (Giá thực hiện: NZ\$1,58; Phí: NZ\$0,043)</i>																										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ giá giao ngay</th> <th>Phí quyền chọn cho mỗi đơn vị</th> <th>Quyết định thực hiện</th> <th>Số tiền nhận được (bao gồm phí) cho mỗi đơn vị</th> <th>Tổng tiền nhận được cho Fr112.000</th> <th>Xác suất</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NZ\$1,55</td> <td>NZ\$0,043</td> <td>Có</td> <td>NZ\$1,537</td> <td>NZ\$172.144</td> <td>17%</td> </tr> <tr> <td>NZ\$1,58</td> <td>NZ\$0,043</td> <td>Có/ Không</td> <td>NZ\$1,537</td> <td>NZ\$172.144</td> <td>51%</td> </tr> <tr> <td>NZ\$1,62</td> <td>NZ\$0,043</td> <td>Không</td> <td>NZ\$1,577</td> <td>NZ\$176.624</td> <td>32%</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ giá giao ngay	Phí quyền chọn cho mỗi đơn vị	Quyết định thực hiện	Số tiền nhận được (bao gồm phí) cho mỗi đơn vị	Tổng tiền nhận được cho Fr112.000	Xác suất	NZ\$1,55	NZ\$0,043	Có	NZ\$1,537	NZ\$172.144	17%	NZ\$1,58	NZ\$0,043	Có/ Không	NZ\$1,537	NZ\$172.144	51%	NZ\$1,62	NZ\$0,043	Không	NZ\$1,577	NZ\$176.624	32%	1.5	
	Tỷ giá giao ngay	Phí quyền chọn cho mỗi đơn vị	Quyết định thực hiện	Số tiền nhận được (bao gồm phí) cho mỗi đơn vị	Tổng tiền nhận được cho Fr112.000	Xác suất																					
	NZ\$1,55	NZ\$0,043	Có	NZ\$1,537	NZ\$172.144	17%																					
NZ\$1,58	NZ\$0,043	Có/ Không	NZ\$1,537	NZ\$172.144	51%																						
NZ\$1,62	NZ\$0,043	Không	NZ\$1,577	NZ\$176.624	32%																						
Kết luận: phòng ngừa bằng kỳ hạn có xác suất 68% đem lại kết quả tốt hơn cho công ty so với phòng ngừa bằng quyền chọn bán. Như vậy, phòng ngừa bằng kỳ hạn là phòng ngừa tối ưu nhất đối với công ty.	0.5																										
<i>Chiến lược không phòng ngừa</i>																											
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ giá giao ngay</th> <th>Xác suất</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ giá giao ngay	Xác suất			1.5																						
Tỷ giá giao ngay	Xác suất																										

Nội dung		Tổng tiền nhận được từ Fr112.000							
	NZ\$1,55	NZ\$173.600	17%						
	NZ\$1,58	NZ\$176.960	51%						
	NZ\$1,62	NZ\$181.440	32%						
c.	Kết luận: chiến lược không phòng ngừa có xác suất 83% đem lại kết quả tốt hơn cho công ty so với chiến lược phòng ngừa bằng kỳ hạn (forward). Như vậy, công ty không nên thực hiện chiến lược phòng ngừa tỷ giá trong trường hợp này.					0.5			
Câu 3						2.0			
	Số tiền ký quỹ ban đầu = $10.000 \times 9,3 \times 5,4\% = 5.022$					0.5			
	Ngày	Tỷ giá thanh toán	Giá trị hợp đồng	Lãi/Lỗ	Số dư cuối ngày	Ký quỹ duy trì	Gửi vào/Rút ra	1.5	
	Ký hợp đồng	9,27	92.700						
	07/12/2023	8,87	88.700	-4.000	1.022	< 4.000	4.000		
	09/12/2023	9,15	91.500	2.800	7.822	> 4.000			
	11/12/2023	8,99	89.900	-1.600	6.222	> 4.000			
	13/12/2023	8,67	86.700	-3.200	3.022	< 4.000	2.000		
	15/12/2023	9,05	90.500	3.800	8.822	> 4.000			
	18/12/2023	9,10	91.000	500	9.322	> 4.000			
	22/12/2023	8,68	86.800	-4.200	5.122	> 4.000			
	Điểm tổng					10.0			

Người duyệt đề



TS. Hoàng Chí Cường

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2023

Giảng viên ra đề



TS. Nguyễn Công Thành